

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày: 17 - 4 - 2019.

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG – TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

\- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Y Míp Niê.

2. Ông Lê Đăng Huân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk (Không tham gia phiên tòa)*

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Kông Năng tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐ-TA ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị P, sinh 1973.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đ. *(Có mặt)*

+ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh 1980 và bà Đinh Thị T, sinh 1984

+ *Người đại diện theo ủy quyền cho bà T theo hợp đồng ủy quyền ngày 13/12/2018 có:* Ông Nguyễn Văn D.

Địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đ. *(Vắng mặt không có lý do)*

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Ngọc T, sinh 1973.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đ. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2018, lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị P trình bày:*

Tôi (P) là người buôn bán kinh doanh, có quen biết vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị T, nên nhiều lần cho ông D, bà T vay mượn tiền để đầu tư trồng tiêu, mua xe, mua đất.

Đến ngày 29/3/2016 âm lịch (tức ngày 05/5/2016 dương lịch) hai bên có làm giấy chốt số nợ còn lại là 531.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi một triệu đồng*) lãi suất phát sinh hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng, và hẹn đến vụ tiêu năm 2017 sẽ trả số tiền trên. Nhưng cho đến nay mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông D, bà T vẫn không trả tiền, nên tôi (P) khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Krông Năng để buộc ông D, bà T phải trả cho tôi số tiền vay 531.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi một triệu đồng*), và không yêu cầu tính lãi suất.

** Tại bản tự khai ngày 22/11/2018, các biên bản làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng bị đơn và cũng là đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn bà Đinh Thị T là ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Chúng tôi (D +T) có quen biết ông Đặng Ngọc T, bà Võ Thị P nên có vay mượn tiền nhiều lần, tính đến ngày 29/3/2016 âm lịch vợ chồng tôi còn nợ cả gốc và lãi của các khoản vay trước đó của bà Võ Thị P là 531.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi một triệu đồng*) và các bên có viết giấy chốt số nợ và thỏa thuận lãi phát sinh là 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ vụ tiêu năm 2017. Nhưng do tiêu chết, giá rẻ nên dù đã quá hạn nhưng chúng tôi vẫn chưa trả được nợ cho bà P. Nay bà Võ Thị P khởi kiện yêu cầu chúng tôi phải trả số tiền nợ trên thì chúng tôi đồng ý trả. Do hoàn cảnh gia đình đang gặp nhiều khó khăn, nên xin được trả dần hàng năm.

Khi vay tiền tôi có giao cho bà P 01 bộ hồ sơ chỉ những giấy tờ, biên lai, ngoài ra không có gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc T trình bày:*

Chúng tôi (T+ P) có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Đinh Thị T vay tiền nhiều lần để đầu tư trồng tiêu, mua xe, mua đất. Đến ngày 29/3/2016 (âm lịch) hai bên có làm giấy chốt lại số nợ vay và thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn thanh toán nợ vụ tiêu năm 2017. Nhưng đến hạn trả nợ ông D, bà T vẫn không chịu thanh toán. Đề nghị Tòa án nhân dân

huyện Krông Năng buộc ông D, bà T phải trả cho vợ chồng tôi số tiền là 531.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi một triệu đồng*), và không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn D và cũng là đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn bà Đinh Thị T, mặc dù đã nhận được văn bản tố tụng, biết bà Võ Thị P khởi kiện, nhưng cố tình trốn tránh, không đến làm việc nên không thể hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn D, bà Đinh Thị T phải trả số tiền còn nợ là 531.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi một triệu đồng*), và không yêu cầu tính lãi suất.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, tài liệu khác, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn D, cũng là đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn bà Đinh Thị T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đồng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện đòi 531.000.000 đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ kiện, bị đơn, đồng thời cũng là đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn bà Đinh Thị T là ông Nguyễn Văn D thừa nhận hiện còn nợ của bà Võ Thị P và ông Đặng Ngọc T số tiền là 531.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi một triệu đồng*). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận đây là sự thực, không phải chứng minh.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn D xin được trả dần khoản nợ trên, nhưng bà Võ Thị Phụng không đồng ý. Căn cứ vào thỏa thuận của các bên, thời hạn trả nợ số tiền trên vào vụ tiêu năm 2017, nhưng đến hạn ông Nguyễn Văn D, bà Đinh Thị T không trả được nợ cho bà Võ Thị P theo cam kết. Như vậy, ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, mà việc ông Nguyễn Văn D xin được trả dần hàng năm, nhưng không được bà Võ Thị P đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P và buộc ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị T phải trả cho bà Võ Thị P và ông Đặng Ngọc T số tiền là 531.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi một triệu đồng*) là phù hợp.

[2.2]. Về lãi suất: Trong đơn khởi kiện và trong quá trình thu thập chứng cứ, Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất trong hạn, quá hạn và lãi phạt, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3]. Khi vay tiền, ông Nguyễn Văn D có gửi lại cho bà Võ Thị P 01 túi hồ sơ gồm: 01 Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng tiền mặt ngày 29/12/2008 người nộp tiền Nguyễn Văn D (bản gốc); 01 Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 25/12/2008 mang tên Nguyễn Văn D (bản gốc); 01 Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 11/4/2008 (bản sao); 01 Tờ khai lệ phí trước bạ của ông Nguyễn Văn D ngày 26/12/2008 (bản sao); 01 giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp ngày 24/9/2007 (bản sao); 01 giấy chứng nhận thẩm định thiết kế số 336/VAQ07 – 04/06 ngày 24/9/2007; (bản sao); 01 giấy đặc tính kỹ thuật cơ bản của ô tô (01 tờ, trang số 5) (bản sao); 03 biên lai thu tiền phí, lệ phí có mệnh giá (liên 2) buộc bà Võ Thị P phải trả lại cho ông Nguyễn Văn D toàn bộ giấy tờ trên.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P được chấp nhận, buộc ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả.

Hoàn trả cho bà Võ Thị P số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 465; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị P.

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị P và ông Đặng Ngọc T số tiền còn nợ là 531.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi một triệu đồng*). Không yêu cầu tính lãi suất.

Bà Võ Thị P phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn D, 01 túi hồ sơ gồm: 01 Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng tiền mặt ngày 29/12/2008 người nộp tiền Nguyễn Văn D (bản gốc); 01 Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 25/12/2008 mang tên Nguyễn Văn D (bản gốc); 01 Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 11/4/2008 (bản sao); 01 Tờ khai lệ phí trước bạ của ông Nguyễn Văn D ngày 26/12/2008 (bản sao); 01 giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp ngày 24/9/2007 (bản sao); 01 giấy chứng nhận thẩm định thiết kế số 336/VAQ07 – 04/06 ngày 24/9/2007; (bản sao); 01 giấy đặc tính kỹ thuật cơ bản của ô tô (01 tờ, trang số 5) (bản sao); 03 biên lai thu tiền phí, lệ phí (liên 2)

Áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị T phải nộp 25.240.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (*Theo mức $20.000.000 + (131.000.000 \times 4\%)$*).

Hoàn trả cho bà Võ Thị P số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk là 12.620.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0010303 ngày 04/10/2018.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, nhười có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN MẠNH TUÂN